

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 30-9-2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Chiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phan Hoàng Mai

2. Bà Đặng Thị Mỹ Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2021/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 357/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Huỳnh Kim L, sinh năm 1979

Cư trú: Đường C, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Tôn Việt T, sinh năm 1979

Cư trú: Đường T, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Kim L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/KH/2004, quyển số 01, ngày 13/01/2004. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể hàn gắn được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Tôn Nguyễn Đông N, sinh ngày 07/10/2009. Hiện con chung đang sống cùng bà Kim L. Sau khi ly hôn, bà Kim L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung; bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Tôn Việt T đều vắng mặt. Tuy nhiên, theo Tờ tự khai ngày 12/7/2021 của ông T được gửi đến Tòa án ngày 13/7/2021, ông T trình bày:*

Thông nhất các nội dung theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim L được thể hiện theo các thông báo số 388/TB-TLVA và 720/TB-TA, cùng ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L. Riêng việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì theo nguyện của con Tôn Nguyễn Đông N.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Kim L; về con chung, giao con chung Tôn Nguyễn Đông N cho bà L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị Kim L khởi kiện tranh chấp ly hôn với ông Tôn Việt T. Ông T cư trú tại đường T, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang ngày 13/01/2004 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà L trình bày vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm không còn, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài nhưng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn. Ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, nhưng theo Tờ tự khai ngày 12/7/2021 của ông T gửi đến Tòa án, ông cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Xét thấy, quá trình giải quyết dù được động viên hàn gắn nhưng bà L vẫn kiên quyết ly hôn; ông T cũng thống nhất, không thể hiện mong muốn hàn gắn gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Tôn Nguyễn Đông N, sinh ngày 07/10/2009. Xét thấy, thời gian sống ly thân con chung do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu vẫn phát triển tốt về mọi mặt; hơn nữa, cháu N là nữ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ và cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu N khi bà L và ông T ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N của bà L.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà L là người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà L phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết. Đương sự có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác theo quy định.

[5] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Huỳnh Kim L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Huỳnh Kim L được ly hôn ông Tôn Việt T.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Tôn Nguyễn Đông N, sinh ngày 07/10/2009. Hiện con chung đang sống cùng bà L.

Bà L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Tôn Nguyễn Đông N. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà L không yêu cầu.

Bà L phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Huỳnh Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000519, ngày 21/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**Hà Thị Chiền**